

QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA THÀNH PHỐ CÀ MAU TỪ NĂM 1997 ĐẾN NAY

Phạm Đỗ Văn Trung*

1. Đặt vấn đề

Thành phố (TP) Cà Mau là đô thị tỉnh lỵ trung bình nằm tận cùng phía nam đất nước. Sau khi tái lập tỉnh Cà Mau từ tỉnh Minh Hải, TP Cà Mau có nhiều thay đổi về quy mô, chức năng và “bộ mặt” đô thị. Với định hướng là một trong ba “đỉnh” của tam giác tăng trưởng vùng: Cần Thơ - Rạch Giá - Cà Mau, trong khoảng 5 năm tới, TP Cà Mau sẽ đạt chuẩn đô thị loại II, quy mô dân số, lãnh thổ sẽ được mở rộng nhanh chóng. Như vậy, TP không chỉ có vai trò trong phạm vi nội tỉnh mà còn là động lực tăng trưởng kinh tế - xã hội cho vùng nam sông Hậu.

Vì thế, nghiên cứu hiện trạng đô thị hóa (ĐTH) TP Cà Mau có thể là nguồn tham khảo cần thiết cho các cơ quan hữu trách trong việc xây dựng những định hướng phát triển TP trong tương lai.

2. Nội dung

2.1. Tổng quan

TP Cà Mau là trung tâm bán đảo Cà Mau, nằm phía đông của tỉnh Cà Mau, tọa độ trong khoảng từ $9^{\circ}07^{\text{B}}$ đến $9^{\circ}26^{\text{B}}$, $105^{\circ}11^{\text{Đ}}$ đến $105^{\circ}30^{\text{Đ}}$; phía Bắc giáp với huyện Thới Bình; phía Nam giáp với huyện Đầm Dơi, Cái Nước; phía Đông giáp huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu; phía Tây giáp huyện Trần Văn Thời và U Minh.

TP Cà Mau có diện tích tự nhiên khoảng 24.618 ha, bao gồm 15 đơn vị hành chính trực thuộc với 8 phường nội thị: 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 7 xã ngoại thị: An Xuyên, Tân Thành, Tắc Vân, Định Bình, Hòa Thành, Hòa Tân, Lý Văn Lâm.

Về điều kiện tự nhiên, TP nói riêng, toàn tỉnh nói chung là vùng đất trê, có nền địa chất yếu, địa hình thấp và khá bằng phẳng. Hiện nay diện tích đất chưa sử dụng còn không đáng kể, tuy nhiên quỹ đất nông nghiệp còn rất lớn, chiếm hơn 81% lãnh thổ. TP Cà Mau có nền nhiệt độ cao và ổn định, biên độ nhiệt trung bình thấp, lượng mưa lớn, trữ lượng nước ngầm phong phú và chất lượng tốt. Hệ thống

* ThS. – Trường CĐSP Cà Mau

sông - kênh - rạch dày đặc, độ sâu lớn và kết nối tốt với các hệ thống thủy văn khác trong vùng.

Về điều kiện kinh tế - xã hội, TP Cà Mau là đô thị lớn nhất tỉnh, cư dân mang nét văn minh thành thị và có mức sống cao. Ngoài ra, TP Cà Mau là trung tâm giáo dục đào tạo, y tế và văn hóa... lớn nhất tỉnh. Trải qua nhiều biến cố, TP vẫn giữ vai trò đầu tàu trong nền kinh tế, chiếm hơn 1/3 GDP toàn tỉnh. TP Cà Mau có cơ cấu ngành nghề đa dạng, hoạt động kinh tế sôi nổi, khu vực phi nông nghiệp đóng góp hơn 89% GDP. Vị trí ngành công nghiệp TP ngày càng quan trọng, đến năm 2005 chiếm hơn 70% tổng giá trị ngành công nghiệp toàn tỉnh; tốc độ tăng trưởng giai đoạn 1997 - 2005 đạt 17%/năm. Phần lớn cơ sở và hoạt động sản xuất công nghiệp của tỉnh đều tập trung trên địa bàn TP, trong đó quan trọng là các nhà máy chế biến thủy sản với quy mô lớn, sử dụng nhiều lao động lao động và phát triển nhanh chóng.

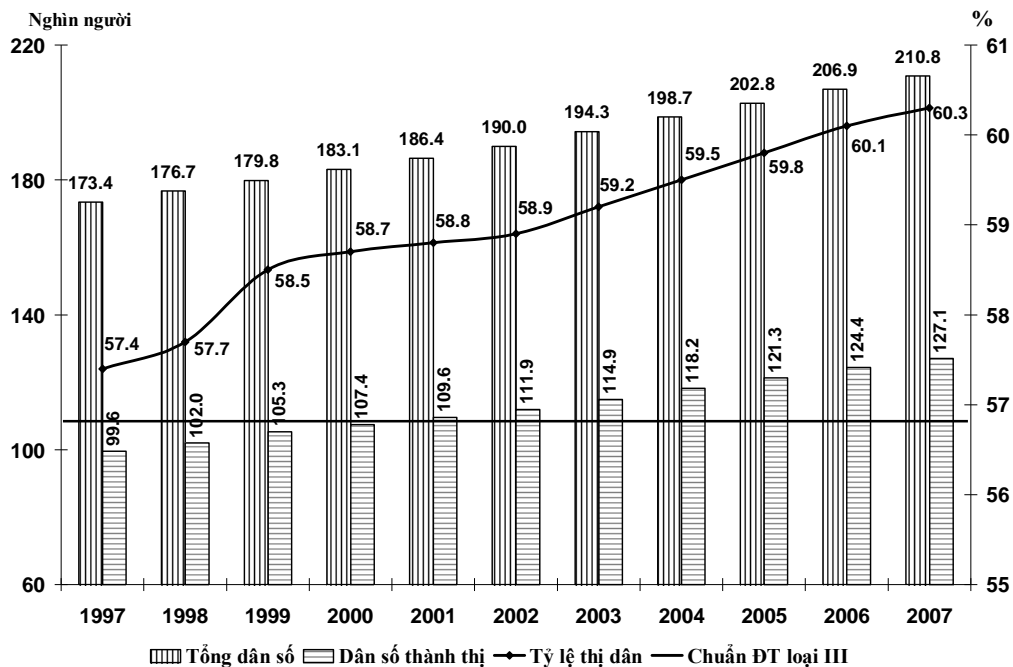
Bên cạnh đó, TP Cà Mau còn là đầu mối giao thông vận tải, trung tâm thương mại - dịch vụ cho toàn tỉnh. GDP ngành dịch vụ tăng trưởng liên tục, trung bình giai đoạn 1997 - 2005 đạt 15,5%/năm, đến năm 2005 chiếm tỷ trọng gần 50% ngành dịch vụ toàn tỉnh.

2.2. Quá trình đô thị hóa thành phố Cà Mau từ năm 1997 đến nay

Lượng hóa sự ĐTH là công việc khó khăn và có nhiều ý kiến khác nhau. Trên cơ sở Nghị định 72/2001/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 02/2002/TTLT-BXD-TCCBCP cùng với đặc điểm của địa bàn nghiên cứu, bài viết dựa vào một số chỉ tiêu sau được sử dụng để đánh giá quá trình ĐTH TP Cà Mau.

2.2.1. Dân số

Dân số là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá trình độ ĐTH một quốc gia hay vùng lãnh thổ. Ở Cà Mau, giai đoạn 1997 - 2007, tổng dân số và số dân thành thị đều tăng liên tục qua các năm. Điều này được thể hiện qua hình 1 sau:



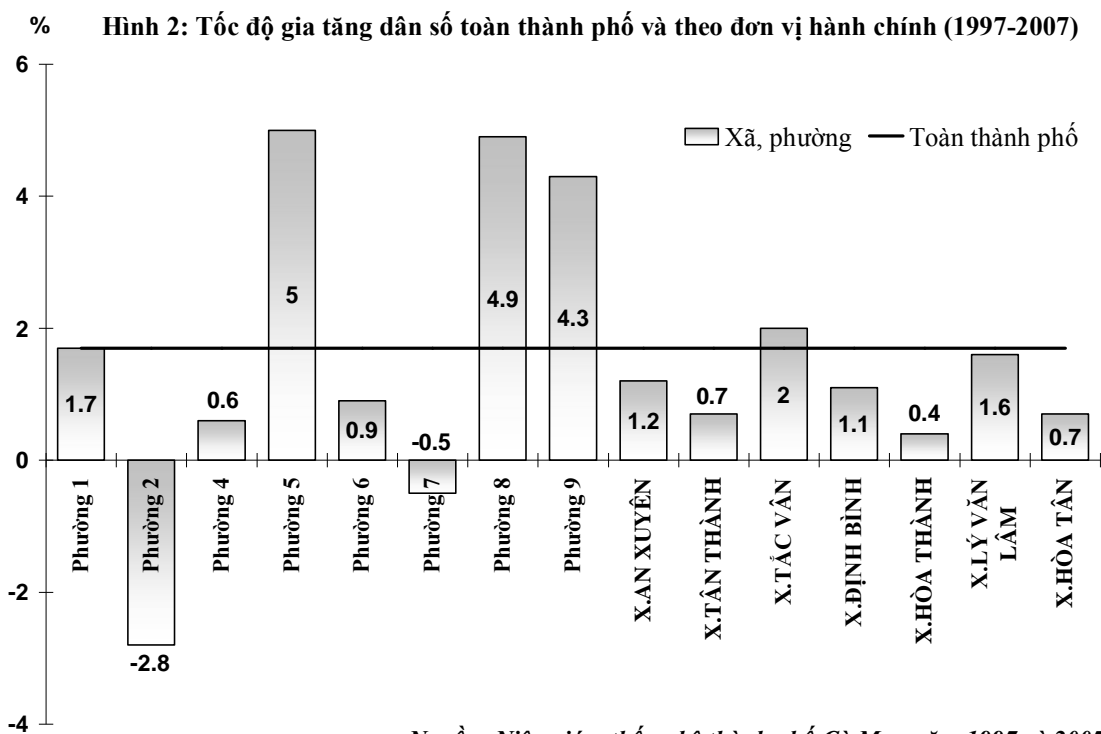
Nguồn: [1], [5]

Hình 1: Tổng dân số, số dân thành thị và tỷ lệ thị dân đô thị Cà Mau (1997 - 2007)

Trong giai đoạn 1997 - 2007, tổng số dân TP tăng hơn 32 ngàn người, với gần 3/4 dân số tăng thêm giai đoạn này tập trung ở khu vực nội thị. So với tiêu chuẩn dân số đô thị loại III, ngoại trừ năm 1997, các năm về sau đều vượt chuẩn. Cũng trong giai đoạn này, tỷ lệ dân thành thị - nông thôn nhìn chung tăng liên tục; năm 1997, mối tương quan giữa dân cư thành thị với dân cư nông thôn là 1,35:1; đến năm 2007, tỷ lệ này tăng tương ứng là 1,52:1; mặc dù tốc độ gia tăng dân số tự nhiên của khu vực nông thôn cao hơn hẳn khu vực thành thị. Vì vậy, diễn biến tỷ trọng dân cư thành thị - nông thôn như trên chứng tỏ có sự tác động của luồng chuyển cư ở khu vực nông thôn vào khu vực nội thị và di chuyển đến các đô thị lớn khác.

Tốc độ gia tăng dân số toàn TP trung bình giai đoạn 1997 - 2007 là 2%/năm, trong đó tốc độ gia tăng cơ giới trung bình khoảng 0,5%/năm. Tốc độ gia tăng dân số thành thị tương ứng là 2,5%/năm, gấp 1,3 lần tốc độ gia tăng của toàn TP, trong đó tốc độ gia tăng cơ giới gấp 2 lần, khoảng 1%/năm.

Quá trình gia tăng dân số TP Cà Mau có sự phân hóa không gian giữa các đơn vị hành chính. Ba phường 5, 8 và 9 có tốc độ tăng dân số nhanh gấp khoảng 1,92 lần khu vực nội thị và gấp 2,4 lần tốc độ trung bình toàn TP. Giai đoạn 1997 - 2007, số dân tăng thêm của 3 phường 5, 8 và 9 chiếm 95% số dân tăng thêm khu vực nội thị và hơn 69% tổng số dân tăng thêm toàn thành phố. Trong vòng hơn 10 năm, dân số các phường này đã tăng gấp đôi. Trong khi đó, phường 7 và phường 2 sụt giảm dân số, đặc biệt là phường 2, tốc độ giảm rất nhanh. (Xem Hình 2)



Nguồn: Niên giám thống kê thành phố Cà Mau năm 1997 và 2007

Trong khu vực ngoại thị, xã Tắc Vân có tốc độ tăng dân số nhanh nhất. Xã Lý Văn Lâm vị trí cạnh phường 8, nơi có nhiều nhà máy chế biến thủy sản, trường chuyên nghiệp... cũng có tốc độ tăng dân số khá nhanh, đặc biệt trong những năm gần đây.

Đặc điểm 3/4 số dân tăng thêm trong giai đoạn này tập trung ở khu vực nội thị đã làm thay đổi dần mật độ dân cư về không gian. Năm 2007, mật độ DS toàn TP khoảng 850 người/km², trong đó khu vực nội thị là 3.152 người/km². So với năm 1997, số người cư trú trên địa bàn TP Cà Mau năm 2005 tăng thêm trung bình 116

người/km². Mật độ dân số khu vực thành thị trong cùng thời gian tăng nhanh hơn 6 lần so với toàn TP và gấp 13 lần so với khu vực nông thôn. Dân số tập trung ngày càng nhiều vào thành thị, mật độ dân số khu vực này cao gấp 3,7 lần so với mật độ chung toàn TP và có xu hướng ngày càng tăng. Mặc dù vậy chỉ tiêu này vẫn còn thấp hơn nhiều so với quy định tối thiểu của Chính phủ cho đô thị loại III (≥ 8.000 người/km²).

Mật độ dân cư giữa các đơn vị hành chính cũng có sự phân hóa. Những khu vực có tốc độ tăng DS nhanh, mật độ dân cư tăng lên tương ứng. Giai đoạn 1997-2007, khu vực phường 8 tăng thêm trung bình 871 người/km², nâng mật độ dân số năm 2007 lên 2.229 người/km², gấp hơn 1,6 lần năm 1997. Trong cùng thời gian, mật độ dân số phường 5 tăng thêm trung bình 4.263 người/km², nâng mật độ năm 2007 lên 10.342 người/km², gấp 1,7 lần so với năm 1997 (số liệu tương ứng của phường 9 là: 648 người/km², 2.017 người/km² và 1,5 lần). Trong khi đó, mật độ dân số phường 2 giảm khoảng 13.359 người/km².

Ở khu vực ngoại thị, Tắc Vân có mật độ dân số cao hơn một số phường khu vực nội thị, gấp 2,8 lần mật độ dân số trung bình toàn TP và cao hơn nhiều so với các xã còn lại. Tốc độ gia tăng mật độ dân số của xã này khá nhanh, năm 2007 tăng gần 11% so với năm 1997. Ngoài ra, mật độ dân số xã Lý Văn Lâm đang tăng đáng kể.

2.2.2. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

Cơ cấu lao động theo các khu vực kinh tế thay đổi theo hướng tích cực, trên phạm vi toàn đô thị, tốc độ tăng trưởng lao động khu vực phi nông nghiệp trung bình 6,4%/năm, nhanh gấp 4 lần ngành nông nghiệp. Khu vực II và III thu hút 80% tổng số lao động tăng thêm toàn TP trong cùng thời gian. Kết quả là tỷ trọng lao động phi nông nghiệp liên tục tăng trong cơ cấu sử dụng lao động của nền kinh tế, từ 57,4% năm 1999 lên 65,9% năm 2007 (xét riêng khu vực nội thị, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp tăng từ 71,4% lên 77% (tiêu chuẩn đô thị loại III là trên 75%).

2.2.3. Kinh tế

Kinh tế TP phát triển nhanh chóng, giai đoạn 1997 - 2007, trung bình GDP tăng 16,3%/năm. Từ năm 1999, tốc độ tăng trưởng luôn đạt 2 con số, trong đó giai đoạn 2000 - 2007 tốc độ tăng trưởng cao, đạt trung bình 17,4%/năm. Với chỉ tiêu này, TP vượt xa chuẩn quy định cho đô thị loại III ($\geq 6\%$ /năm).

Thành phố Cà Mau có mức thu nhập bình quân đầu người hàng năm khá cao, đến năm 2007 đạt hơn 17 triệu đồng (theo giá so sánh năm 1994), gần gấp 3 lần so với năm 1997. Giai đoạn 1997-2007, tốc độ tăng GDP/người/năm trung bình 14%/năm. Với chỉ tiêu này, TP vượt chuẩn đô thị loại III (≥ 500 USD) từ năm 2000, vượt chuẩn đô thị loại II (600 USD) từ năm 2001 và vượt chuẩn đô thị loại đặc biệt (900 USD) từ năm 2004.

2.2.4. Cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng là nhóm chỉ tiêu yếu nhất không chỉ với riêng TP Cà Mau mà còn là tình hình chung của mạng lưới ĐT vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

– Hiện nay khu vực nội thị có khoảng 123 tuyến đường với hơn 62km. Tỷ lệ đường chính/diện tích tăng từ 0,82 km/km² (1999) lên gần 1 km/km² -tiêu chuẩn cho ĐT loại III là 3,5-4 km/km². Thời gian qua nhiều tuyến đường đã được nâng cấp, làm mới,... Những thay đổi này đã góp phần cải thiện mạng lưới giao thông cũng như tăng vẻ mỹ quan ĐT. Chiều dài các tuyến đường chính trong khu vực nội thị tăng từ 23km (1999) lên 28km (2007), diện tích mặt đường chính tăng từ 21ha lên 46ha. Tuy vậy, các chỉ tiêu về giao thông công cộng TP không đạt.

– Mật độ xây dựng nhà ở trong TP khác nhau, dày đặc nhất là phường 2 và 5 với đa số là nhà 2 tầng được xây từ thời Pháp thuộc. Thời gian qua, nhiều nhà cao 3-5 tầng với kiến trúc hiện đại được cải tạo và xây mới tập trung ở các khu vực ĐTH nhanh như phường 8, 5, 9, 1,... Bên cạnh đó, trong TP vẫn tồn tại một số khu ở tạm bợ, chật hẹp ven các con đường nhỏ, đặc biệt loại nhà ở ven các kênh, rạch với hai mặt tiền hướng ra đường bộ và ra sông, kênh.

– Hiện nay mạng lưới cấp nước TP còn thiếu đồng bộ, phát triển không tương xứng với nhu cầu. Tổng chiều dài hệ thống cấp nước khoảng 63km. Năm 2000 có 77,5% dân TT sử dụng nước sạch, đến nay chỉ số này là 99,4%, tuy nhiên tỷ lệ thất thoát nước còn cao (32%).

Hệ thống thoát nước ĐT còn yếu kém, mạng lưới mương cống thoát nước bị xuống cấp, tiết diện nhỏ không đủ khả năng thoát nước khi mưa lớn. Chiều dài hệ thống mương cống chỉ đáp ứng được 31% nhu cầu, chỉ khoảng 3% tuyến đường khu vực nội thị có hệ thống thoát nước hoàn chỉnh.

– Năm 2007, tỷ lệ hộ dùng điện là 99,7%, trong đó 100% với khu vực nội thị và hơn 99% đối với khu vực ngoại thị. Tốc độ tăng sản lượng điện thương phẩm thời gian qua khoảng 16-18%/năm. Các tuyến đường chính được chiếu sáng đầy đủ. Tuy

nhiên, hệ thống điện nội thị chủ yếu là lưới trời, nhiều nơi đã xuống cấp và chậm cải tạo, dẫn đến thất thoát điện năng cao.

– Về thông tin liên lạc và bưu điện, số điện thoại/100 dân tăng từ 9,9 năm 2000 lên 48,1 năm 2007.

– Diện tích cây xanh ở nội thị chỉ có hơn 25ha, chiếm 2,5% diện tích TP. Như vậy, diện tích cây xanh TP Cà Mau còn thấp hơn khá nhiều so với quy định tối thiểu của đô thị loại III (4-7% diện tích đô thị).

2.2.5. Tỷ lệ đất phi nông nghiệp

Giai đoạn này, diện tích đất phi nông nghiệp toàn TP tăng trung bình hơn 10%/năm. Tỷ lệ đất phi nông nghiệp tăng lên tương ứng, từ hơn 6% lên khoảng 16%.

Trong cùng thời gian, diện tích đất phi nông nghiệp khu vực ngoại thị tăng rất nhanh, trung bình hơn 13%/năm; tỷ lệ đất phi nông nghiệp tăng lên gần gấp 3 lần trong cùng thời gian, tuy nhiên vẫn còn rất thấp. Trong khi đó, diện tích đất phi nông nghiệp khu vực nội thị tăng khá nhanh, khoảng 7%/năm, tỷ lệ diện tích đất phi nông nghiệp tăng gấp 2 lần, từ xấp xỉ 20% năm 1995 lên khoảng 40% năm 2007.

Diễn biến diện tích và tỷ lệ đất phi nông nghiệp có sự phân hóa giữa các đơn vị hành chính. Ở khu vực nội thị, các phường 9, 1, 4 và 8 có tốc độ tăng nhanh hơn; các phường 2 và 5 tốc độ tăng chậm một phần quan trọng vì tỷ lệ đất phi nông nghiệp khu vực này đã khá cao. Trong khu vực ngoại thị, các xã An Xuyên, Tân Thành, Lý Văn Lâm có tốc độ tăng rất nhanh, riêng 3 xã này chiếm khoảng 85% diện tích đất phi nông nghiệp tăng thêm khu vực ngoại thị. Tốc độ tăng diện tích đất phi nông nghiệp xã Tắc Vân khá nhanh, trung bình khoảng 9,1%/năm.

2.2.6. Vị trí và phạm vi ảnh hưởng

Thời gian qua chức năng và phạm vi ảnh hưởng của đô thị Cà Mau có những thay đổi theo xu hướng tăng cường vị trí, vai trò không chỉ trong tỉnh mà còn mở rộng ra khu vực bán đảo Cà Mau và vùng nam sông Hậu:

– Từ 1998 về trước, là thị xã tỉnh lỵ, đô thị trung tâm tổng hợp cấp tỉnh.

– Từ sau năm 1998, là đô thị trung tâm tổng hợp cấp tỉnh, từ năm 1999 được công nhận là TP trực thuộc tỉnh, đang trong quá trình phát triển thành trung tâm chuyên ngành cấp vùng.

Ngoài ra, về chỉ tiêu diện tích lãnh thổ, thời gian qua TP không có gì thay đổi.

3. Đánh giá chung

– Trên cơ sở những điều kiện thuận lợi cho quá trình tập trung dân cư và các lực lượng sản xuất, ĐTH ở TP Cà Mau liên tục phát triển và ngày càng hoàn thiện trên nhiều nội dung.

– Tốc độ gia tăng dân số khá nhanh, đặc biệt tình hình gia tăng dân số cơ giới chứng tỏ sức hút của đô thị.

– Đô thị hóa ở TP Cà Mau thể hiện sự phân hóa không gian rõ rệt, xuất hiện xu hướng giảm sự tập trung từ trung tâm ĐT cũ ra các khu vực lân cận. Các khu vực chức năng chính của ĐT vốn tụ hội ở khu vực trung tâm được quy hoạch từ thời Pháp, trong những năm gần đây đã mở rộng ra các phường xung quanh, đặc biệt là các địa bàn thuận lợi về hoạt động sản xuất, giao thông và tập trung dân cư... như phường 5, 8, 9 (khu vực nội thị) và Lý Văn Lâm (khu vực ngoại thị). Đô thị hóa dạng “vét dầu loang” là một xu hướng phổ biến, không chỉ với các ĐT ở nước ta mà chung toàn thế giới. Bên cạnh đó, thành phố có xu hướng phát triển một số khu vực là ĐT vệ tinh cho TP trong tương lai gần như xã Tắc Vân, ngã ba Hòa Thành,... ĐTH nhanh về hướng Tây Bắc, Tây Nam,... và chậm về Đông.

– Hạn chế và khó khăn lớn nhất trong quá trình phát triển đô thị chính là hệ thống cơ sở hạ tầng còn nhiều yếu kém. Đây sẽ là nhân tố quan trọng góp phần tạo ra những hệ quả tiêu cực hiện tại và lâu dài.

4. Kết luận

Những thành tựu đạt được trong những năm qua là nền tảng để TP tiếp tục phát triển vững chắc hơn trong những năm sắp tới, phấn đấu đạt tiêu chí ĐT loại II vào năm 2010. Nhìn chung, diện mạo của TP đã có nhiều đổi mới, đô thị được mở rộng trên cơ sở quy hoạch theo hướng xây dựng phát triển TP từng bước vươn đến văn minh hiện đại. Các dịch vụ về điện, nước, vệ sinh môi trường, công nghệ thông tin, bưu chính viễn thông... phát triển khá mạnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của nhân dân. Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và đời sống của nhân dân được nâng lên đáng kể. Tuy nhiên, trình độ đô thị hóa của TP Cà Mau còn chưa cao, cần tập trung phát triển mạnh mẽ hệ thống cơ sở hạ tầng.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2001), *Nghị định 72/2001/NĐ-CP về việc phân loại và phân cấp quản lý đô thị.*
- [2]. Công an thành phố Cà Mau, “Báo cáo tổng kết các mặt công tác QLHC-TTXH các năm 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007”.
- [3]. Thông tư liên tịch số 02/2002/TTLT-BXD-TCCBCP “Hướng dẫn về phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị.”
- [4]. Phạm Đỗ Văn Trung (2007), *Nghiên cứu quá trình đô thị hóa thành phố Cà Mau và ảnh hưởng của nó đến sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh*, Luận văn thạc sĩ Địa lý học, ĐHSU Huế.
- [5]. UBND TP Cà Mau, *Niên giám thống kê TP Cà Mau năm 1997, 2000 và 2007.*

Tóm tắt

Quá trình đô thị hóa thành phố Cà Mau từ 1997 đến nay

Sau khi tái lập tỉnh Cà Mau từ tỉnh Minh Hải (1997), thành phố Cà Mau có nhiều điều kiện thuận lợi trong quá trình tập trung dân cư và đô thị hóa. Quá trình đô thị hóa thành phố Cà Mau diễn ra khá nhanh trên nhiều khía cạnh: dân số, kinh tế, lao động,... và chủ yếu phát triển mạnh về phía tây bắc, tây nam và chậm về phía đông. Bên cạnh đó, hạn chế và khó khăn lớn nhất trong quá trình đô thị hóa là hệ thống cơ sở hạ tầng còn nhiều yếu kém.

Abstract

Process of urbanization in Ca Mau city since 1997

After Ca Mau province was reestablished from Minh Hai province in 1997, Ca Mau city has many convenient conditions for concentrating residents and urbanization. Ca Mau City's process of urbanization has been quickly on many fields such as population, economy, labour,...mainly on the north-west and south-west and slowly on the east. Besides, the most difficult aspect for urbanization, the city has been facing, is poor infrastructure.